**PHỤ LỤC I**

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ XE Ô TÔ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 2266 /QĐ-UBND ngày 18 /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

| TT | Tên cơ quan, đơn vị | Số lượng (xe) | Đơn giá (triệu đồng) | Chi phí mua sắm xe ô tô (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Từ nguồn dự toán chuyển từ năm 2024 sang năm 2025** | | | **2.790** | |
| 1 | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh | 1 | | 1.395 | |
| 2 | Văn phòng UBND tỉnh | 1 | | 1.395 | |
| **II** | **Từ nguồn dự toán năm 2025** | | | **43.245** | |
| 1 | Ban Nội chính Tỉnh uỷ | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 2 | Ban Tổ chức Tỉnh uỷ | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 3 | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 4 | Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 5 | Văn phòng UBND tỉnh | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 6 | Đảng ủy xã Đoàn Kết | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 7 | Đảng ủy xã Tân Tiến | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 8 | Đảng ủy xã Quốc Khánh | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 9 | Đảng ủy xã Kháng Chiến | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 10 | Đảng ủy xã Quốc Việt | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 11 | Đảng ủy xã Thiện Hoà | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 12 | Đảng ủy xã Thiện Long | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 13 | Đảng ủy xã Vũ Lăng | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 14 | Đảng ủy xã Tân Tri | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 15 | Đảng ủy xã Yên Phúc | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 16 | Đảng ủy xã Tri Lễ | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 17 | Đảng ủy xã Hoàng Văn Thụ | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 18 | Đảng ủy xã Thuỵ Hùng | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 19 | Đảng ủy xã Văn Lãng | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 20 | Đảng ủy xã Mẫu Sơn | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 21 | Đảng ủy xã Lợi Bác | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 22 | Đảng ủy xã Xuân Dương | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 23 | Đảng ủy xã Khuất Xá | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 24 | Đảng ủy xã Châu Sơn | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 25 | Đảng ủy xã Tuấn Sơn | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 26 | Đảng ủy xã Thiện Tân | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 27 | Đảng ủy xã Vân Nham | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 28 | Đảng ủy xã Nhân Lý | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 29 | Đảng ủy xã Chiến Thắng | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 30 | Đảng ủy xã Bằng Mạc | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| 31 | Đảng ủy phường Lương Văn Tri | 1 | 1.395 | 1.395 | |
| | **TỔNG CỘNG** | **33** | | **46.035** | |

**PHỤ LỤC II**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN MUA SẮM TẬP TRUNG XE Ô TÔ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 2266 /QĐ-UBND ngày 18 /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

| TT | Nội dung | Dự toán (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **TỔNG CỘNG** | **288** | |
| 1 | Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu | 141 | |
| 2 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu | 139 | |
| 3 | Chi phí thẩm định giá | 8 | |

# PHỤ LỤC III

## PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA SẮM TẬP TRUNG XE Ô TÔ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số 2266 /QĐ-UBND ngày 18 /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

| TT | Tên cơ quan, đơn vị | Số lượng (xe) | Đơn giá (triệu đồng) | Chi phí mua sắm xe ô tô (triệu đồng) | Chi phí khác (triệu đồng) | Tổng cộng (triệu đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Dự toán chuyển nguồn tại đơn vị từ năm 2024 sang năm 2025** | | | **2.790** | | **2.790** |
| 1 | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh | 1 | | 1.395 | | 1.395 |
| 2 | Văn phòng UBND tỉnh | 1 | | 1.395 | | 1.395 |
| **II** | **Dự toán năm 2025** | | | **43.245** | **288** | **43.533** |
| 1 | Văn phòng Tỉnh uỷ | | | 5.580 | 0 | 5.580 |
| | *Ban Nội chính Tỉnh uỷ* | *1* | *1.395* | *1.395* | | *1.395* |
| | *Ban Tổ chức Tỉnh uỷ* | *1* | *1.395* | *1.395* | | *1.395* |
| | *Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ* | *1* | *1.395* | *1.395* | | *1.395* |
| | *Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ* | *1* | *1.395* | *1.395* | | *1.395* |
| 2 | Văn phòng UBND tỉnh | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 3 | Xã Đoàn Kết | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 4 | Xã Tân Tiến | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 5 | Xã Quốc Khánh | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 6 | Xã Kháng Chiến | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 7 | Xã Quốc Việt | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 8 | Xã Thiện Hoà | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 9 | Xã Thiện Long | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 10 | Xã Vũ Lăng | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 11 | Xã Tân Tri | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 12 | Xã Yên Phúc | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 13 | Xã Tri Lễ | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |

| TT | Tên cơ quan, đơn vị | Số lượng (xe) | Đơn giá (triệu đồng) | Chi phí mua sắm xe ô tô (triệu đồng) | Chi phí khác (triệu đồng) | Tổng cộng (triệu đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Xã Hoàng Văn Thụ | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 15 | Xã Thuỵ Hùng | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 16 | Xã Văn Lãng | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 17 | Xã Mẫu Sơn | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 18 | Xã Lợi Bác | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 19 | Xã Xuân Dương | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 20 | Xã Khuất Xá | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 21 | Xã Châu Sơn | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 22 | Xã Tuấn Sơn | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 23 | Xã Thiện Tân | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 24 | Xã Vân Nham | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 25 | Xã Nhân Lý | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 26 | Xã Chiến Thắng | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 27 | Xã Bằng Mạc | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 28 | Phường Lương Văn Tri | 1 | *1.395* | 1.395 | | 1.395 |
| 29 | Sở Tài chính | | | | 288 | 288 |
| | **TỔNG CỘNG** | | | **46.035** | **288** | **46.323** |